

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Số 1 Lương Định Của -Phương Mai -Đông Đa-Hà Nội

-----



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Hà Nội T10- 2014

**CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TW**

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>489,498,434,117</b>	<b>347,080,557,892</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>158,031,905,304</b>	<b>54,122,278,528</b>
1. Tiền	111	V.01	30,023,816,947	24,803,774,980
2. Các khoản tương đương tiền	112		128,008,088,357	29,318,503,548
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>125,181,230,225</b>	<b>133,931,947,388</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		108,086,148,817	129,985,760,207
2. Trả trước cho người bán	132		11,569,039,369	3,338,851,604
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	9,233,039,484	3,266,344,352
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,706,997,445)	(2,659,008,775)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>187,897,545,877</b>	<b>157,261,771,278</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	189,653,999,508	158,657,902,071
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,756,453,631)	(1,396,130,793)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18,387,752,711</b>	<b>1,764,560,698</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		131,235,664	1,109,348,198
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,400,000	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18,249,117,047	655,212,500
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>335,447,558,933</b>	<b>92,442,804,101</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>78,162,603,776</b>	<b>66,631,302,682</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	53,584,969,203	55,258,926,351
- Nguyên giá	222		104,018,406,984	95,584,250,460
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50,433,437,781)	(40,325,324,109)
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	6,401,766,168	5,737,453,667
- Nguyên giá	228		10,993,387,000	9,066,787,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,591,620,832)	(3,329,333,333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	18,175,868,405	5,634,922,664
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>238,401,903,949</b>	<b>5,501,123,166</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		224,289,875,985	2,567,797,166
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	15,656,033,964	3,944,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1,544,006,000)	(1,010,674,000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>529,418,738</b>	<b>1,720,417,157</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	529,418,738	1,720,417,157
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>			<b>18,353,632,470</b>	<b>18,589,961,096</b>
<b>CỘNG</b>	<b>270</b>		<b>824,945,993,050</b>	<b>439,523,361,993</b>

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>108,528,214,663</b>	<b>112,319,344,688</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>108,001,135,707</b>	<b>112,238,020,688</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	7,773,953,964	0
2. Phải trả người bán	312		32,580,736,333	55,073,922,728
3. Người mua trả tiền trước	313		1,179,130,891	8,598,225,285
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V..16	3,246,684,621	3,753,812,673
5. Phải trả người lao động	315		23,967,564,572	24,250,073,965
6. Chi phí phải trả	316	V.17	586,853,581	805,930,040
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	20,503,861,093	5,216,330,414
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18,162,350,652	14,539,725,583
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>527,078,956</b>	<b>81,324,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	32,500,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
6. Phải trả dài hạn khác	337		527,078,956	0
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	48,824,000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>710,506,498,039</b>	<b>322,996,555,453</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>710,506,498,039</b>	<b>322,996,555,453</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		152,950,000,000	100,298,380,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		331,245,527,850	54,797,592,850
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		125,196,934,321	77,136,109,555
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17,823,890,859	13,013,067,593
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		78,003,507,009	77,489,277,455
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		5,286,638,000	262,128,000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>			<b>5,911,280,348</b>	<b>4,207,461,852</b>
<b>CỘNG</b>	<b>440</b>		<b>824,945,993,050</b>	<b>439,523,361,993</b>

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		0	
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công		39,557,386,527	2,221,386,527
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		208,213,500	208,213,500
5. Ngoại tệ các loại		0	0
5A.USD		21,900.61	30,017.61
5B.CNY		93,003.49	41,521.42
5C.SGD		0	316
5D.LAK		1,000,000	1,000,000
5. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 31 tháng 10 năm 2014

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này Q3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	108,024,150,234	110,572,281,835	513,057,244,699	444,113,612,139
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		15,354,138,800	7,836,243,900	33,695,956,750	33,514,841,810
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		<b>92,670,011,434</b>	<b>102,736,037,935</b>	<b>479,361,287,949</b>	<b>410,598,770,329</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	52,754,480,380	53,751,458,159	288,325,320,822	242,040,003,333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		<b>39,915,531,054</b>	<b>48,984,579,776</b>	<b>191,035,967,127</b>	<b>168,558,766,996</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,654,532,175	934,983,577	3,530,347,008	3,669,432,551
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	653,511,825	1,290,121	869,397,864	(186,301,323)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94,854,319	1,290,121	123,229,319	5,945,638
8. Chi phí bán hàng	24		9,472,517,791	14,405,914,975	67,498,670,589	56,984,430,733
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,214,109,241	11,080,251,112	43,967,230,119	37,194,579,210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>21,229,924,372</b>	<b>24,432,107,145</b>	<b>82,231,015,563</b>	<b>78,235,490,927</b>
11. Thu nhập khác	31		200,205,158	416,396,940	1,017,825,355	894,425,357
12. Chi phí khác	32		1,699,887	743,052	561,103,108	204,365,466
13. Lợi nhuận khác			198,505,271	415,653,888	456,722,247	690,059,891
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết	45		36,545,432	-	1,166,987,818	(138,779,543)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>21,464,975,075</b>	<b>24,847,761,033</b>	<b>83,854,725,628</b>	<b>78,786,771,275</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	54	VI.30	1,140,409,364	1,290,024,415	1,845,292,259	2,264,698,602
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>20,324,565,711</b>	<b>23,557,736,618</b>	<b>82,009,433,369</b>	<b>76,522,072,673</b>
18.1.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		181,407,238	12,200,348	1,067,157,963	353,128,853
18.2.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<b>20,143,158,473</b>	<b>23,545,536,270</b>	<b>80,942,275,406</b>	<b>76,168,943,820</b>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,681	2,348	6,757	7,594

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý

Lập, ngày 31 tháng 10 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG TW

Địa chỉ: Số 1 Lương Định Của - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		471,781,861,056	395,386,374,844
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(347,863,581,870)	(261,734,606,432)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(49,640,628,907)	(33,819,057,361)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(96,230,738)	(5,945,638)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1,319,096,067)	(3,283,629,618)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		58,538,366,834	14,293,198,909
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7		(75,893,271,811)	(45,219,962,804)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>55,507,418,497</b>	<b>65,616,371,900</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(21,530,134,000)	(4,016,186,150)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		236,749,895	3,615,030,000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(248,057,803,104)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(1,915,200,000)	(1,006,325,000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,000,941,143	3,757,481,984
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(264,265,446,066)</b>	<b>2,350,000,834</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		329,231,825,000	-
2. Tiền chi trả v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32		(102,270,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		107,360,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(108,151,570,000)	(93,481,000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,675,063,000)	(30,474,318,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>312,662,922,000</b>	<b>(30,567,799,500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>103,904,894,431</b>	<b>37,398,573,234</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>54,122,278,528</b>	<b>49,657,164,227</b>
<b>AH của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>4,732,345</b>	<b>101,476,489</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>158,031,905,304</b>	<b>87,157,213,950</b>

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tỷ

Ngày 31 tháng 10 năm 2014



Trần Kim Liên

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014.

Ngày 30/06/2014, công ty hoàn tất việc đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó:

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng trọt; Kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Ngoài ra, Công ty còn có các đơn vị trực thuộc, Công ty con và Công ty liên kết như sau:

#### 1. Đơn vị trực thuộc :

##### - Các Chi nhánh:

- + Chi nhánh Miền Trung
- + Chi nhánh Thái Bình
- + Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
- + Chi nhánh Thanh Hóa

##### - Các Xí nghiệp:

- + Xí nghiệp Đồng Văn
- + Xí nghiệp Ba Vì

##### - Đơn vị trực thuộc khác:

- + Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.
- + Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay
- + Trại thực nghiệm Khoái Châu
- + Nhà máy chế biến Thường Tín

#### 2. Công ty con :

- + Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
- + Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam

#### 3. Công ty liên kết: Công ty Cổ phần cây trồng Miền Nam.

Đến ngày 30 tháng 09 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 373 người.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

**3. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo Tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Hà Tây và Công ty CP Giồng Nông lâm nghiệp Quảng Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày chuyển giao quyền kiểm soát giữa Công ty và các công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**4.3. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty và Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

**4.4. Lợi thế thương mại**

Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

**4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.6. Các giao dịch ngoại tệ**

Căn cứ Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính. Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ của các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với đồng USD, các đồng tiền khác thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**4.7. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**4.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hoá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/05/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<b>Loại tài sản cố định:</b>	<b>Thời gian (năm)</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải	6-10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**4.10. Xây dựng cơ bản dở dang**

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**4.11. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập dựa trên giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của Công ty có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán của khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm kế toán. Các khoản tăng, giảm số dư dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính và doanh thu tài chính trong năm tài chính.

**4.12. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

**4.13. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

**4.14. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi quyết toán các chi phí đó, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.15. Vốn chủ sở hữu**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu, các chi phí phát sinh khi phát hành cổ phiếu được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông.

Cổ phiếu quỹ là mua lại một phần vốn cổ phần mà Công ty đã phát hành. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Các cổ đông	152,950,000,000	152,950,000,000	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**4.16. Doanh thu**

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi công ty được thực hiện quyền nhận cổ tức.

**4.17. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

**4.18. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ chế biến nông sản, thuế suất thuế GTGT: 10%

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty mẹ là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/09/2010 của Chính phủ và Căn cứ Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ 3 đạt 70% tổng doanh thu. Năm 2014 là năm thứ 4 Công ty đáp ứng được điều kiện trên.

Công ty con và các khoản thu nhập khác của công ty mẹ áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

***Các loại thuế, phí, lệ phí khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/09/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	5,800,164,771	4,554,097,398
Tiền gửi ngân hàng	24,223,652,176	20,249,677,582
Các khoản tương đương tiền	<u>128,008,088,357</u>	<u>29,318,503,548</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>158,031,905,304</u></b>	<b><u>54,122,278,528</u></b>

**5.1. Các khoản phải thu khác**

	<u>30/09/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Phải thu DTQG	1,701,672,977	1,620,140,977
Phải thu từ Dự án lúa Japonica	3,783,313,333	
Phải thu khác	<u>3,748,053,174</u>	<u>1,646,203,375</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>9,233,039,484</u></b>	<b><u>3,266,344,352</u></b>

**5.2. Hàng tồn kho**

	<u>30/09/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	17,887,193,246	12,500,183,824
Công cụ, dụng cụ	605,739,312	22,113,760
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,364,013,955	2,734,604,670
Thành phẩm	164,160,533,831	112,518,242,764
Hàng hoá	<u>5,636,519,164</u>	<u>30,882,757,053</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>189,653,999,508</u></b>	<b><u>158,657,902,071</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1,756,453,631)</u>	<u>(1,396,130,793)</u>
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b><u>187,897,545,877</u></b>	<b><u>157,261,771,278</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

5.3.

	<u>30/09/2014</u> <u>(VND)</u>	<u>01/01/2014</u> <u>(VND)</u>
Tạm ứng mua cổ phiếu	16,932,990,000	
Tạm ứng khác	<u>1,316,127,047</u>	<u>655,212,500</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>18,249,117,047</u></b>	<b><u>655,212,500</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**5.4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>49,969,940,542</b>	<b>29,690,392,195</b>	<b>15,098,354,723</b>	<b>665,563,000</b>	<b>160,000,000</b>	<b>95,584,250,460</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	5,940,446,196	2,572,312,420	481,670,900	35,000,000	0	9,029,429,516
-Mua trong năm	-	-	-	35,000,000	-	35,000,000
-Đầu tư XDCB hoàn thành	1,641,035,000	-	-	-	-	1,641,035,000
-Tăng khác (công ty con QSC)	4,299,411,196	2,572,312,420	481,670,900	-	-	7,353,394,516
<b>3. Giảm trong năm</b>	595,272,992	-	-	-	-	595,272,992
-Thanh lý, nhượng bán	595,272,992	0	0	0	0	595,272,992
-Giảm khác	0	0	0	0	0	0
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>55,315,113,746</b>	<b>32,262,704,615</b>	<b>15,580,025,623</b>	<b>700,563,000</b>	<b>160,000,000</b>	<b>104,018,406,984</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						0
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>19,581,068,310</b>	<b>14,822,474,662</b>	<b>5,264,821,579</b>	<b>501,709,527</b>	<b>155,250,031</b>	<b>40,325,324,109</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	4,317,797,141	4,628,600,125	1,616,963,543	51,879,382	4,749,969	10,619,990,160
-Khấu hao trong năm	2,243,808,984	3,259,252,243	1,185,807,811	51,879,382	4,749,969	6,745,498,389
-Tăng khác (công ty con QSC)	2,073,988,157	1,369,347,882	431,155,732	0	0	3,874,491,771
<b>3. Giảm trong năm</b>	511,876,488	0	0	0	0	511,876,488
-Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
-Giảm khác	511,876,488	0	0	0	0	511,876,488
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>23,386,988,963</b>	<b>19,451,074,787</b>	<b>6,881,785,122</b>	<b>553,588,909</b>	<b>160,000,000</b>	<b>50,433,437,781</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						0
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>30,388,872,232</b>	<b>14,867,917,533</b>	<b>9,833,533,144</b>	<b>163,853,473</b>	<b>4,749,969</b>	<b>55,258,926,351</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>31,928,124,783</b>	<b>12,811,629,828</b>	<b>8,698,240,501</b>	<b>146,974,091</b>	<b>0</b>	<b>53,584,969,203</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**5.5. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
<b>A. Nguyên giá</b>					
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>2,395,787,000</b>	<b>6,600,000,000</b>	<b>71,000,000</b>	-	<b>9,066,787,000</b>
2. Tăng trong năm	-	1,911,600,000	15,000,000		1,926,600,000
-Mua trong năm	-	1,685,000,000			1,685,000,000
-Tăng do hợp nhất kinh doanh		226,600,000	15,000,000		241,600,000
-Tăng khác	-			-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán				-	-
-Giảm khác				-	-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>2,395,787,000</b>	<b>8,511,600,000</b>	<b>86,000,000</b>	-	<b>10,993,387,000</b>
<b>B. Giá trị hao mòn</b>					
<b>1. Số đầu năm</b>	<b>120,000,000</b>	<b>3,138,333,333</b>	<b>71,000,000</b>	-	<b>3,329,333,333</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	-	<b>1,247,287,499</b>	<b>15,000,000</b>	-	<b>1,262,287,499</b>
-Khấu hao trong năm	-	1,133,987,499	-	-	1,133,987,499
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	113,300,000	15,000,000	-	128,300,000
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán					-
-Giảm khác					-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>120,000,000</b>	<b>4,385,620,832</b>	<b>86,000,000</b>	-	<b>4,591,620,832</b>
<b>C. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>2,275,787,000</b>	<b>3,461,666,667</b>	-	-	<b>5,737,453,667</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>2,275,787,000</b>	<b>4,125,979,168</b>	-	-	<b>6,401,766,168</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>30/09/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
<b>Tổng số chi phí XD CB dở dang, trong đó:</b>		
Dự án xây dựng nhà Phương Mai	2,113,446,664	2,113,446,664
Kho DTQG	5,286,638,000	262,128,000
Dự án xây dựng nhà làm việc	10,341,492,741	2,900,884,000
Công trình khác	<u>434,291,000</u>	<u>358,464,000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>18,175,868,405</u></b>	<b><u>5,634,922,664</u></b>

**5.7. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	<u>30/09/2014</u>		<u>01/01/2014</u>	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
- Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam (SSC)				
Giá gốc	3,706,857	227,501,896,001		
Lợi nhuận tại SSC		476,496,984		
Cổ tức SSC trả cho NSC		(3,688,517,000)		
- Công ty cổ CP Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (QSC)			<u>208,650</u>	<u>2,567,797,166</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>224,289,875,985</u></b>	<b><u>208.650</u></b>	<b><u>2,567,797,166</u></b>

Tỷ lệ phần sở hữu  
SSC : 24,73%

**5.10. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>30/09/2014</u> Giá trị (VND)	<u>01/01/2014</u> Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Càng rau quả	3,944,000,000	3,944,000,000
Công ty cổ phần GCT Thái Bình	8,298,080,000	
Đầu tư tín dụng khác	3,413,953,964	
<b>Cộng</b>	<b><u>15,656,033,964</u></b>	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	<u>(1,544,006,000)</u>	<u>(1,010,674,000)</u>
<b>Giá trị thuần của khoản đầu tư</b>	<b><u>14,112,027,964</u></b>	<b><u>2,933,326,000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**5.8. Lợi thế thương mại**

ĐVT: VND

Khoản mục	HSC	QSC	Cuối kỳ
<b>1. Nguyên giá</b>	<b>26,557,087,281</b>	<b>1,847,845,178</b>	<b>28,404,932,459</b>
Đầu năm	26,557,087,281		26,557,087,281
Tăng trong kỳ		1,847,845,178	1,847,845,178
<b>2. Khấu hao</b>	<b>9,958,907,730</b>	<b>92,392,259</b>	<b>10,051,299,989</b>
Đầu năm	7,967,126,184		7,967,126,184
Tăng trong năm	1,991,781,546	92,392,259	2,084,173,805
<b>3. Giá trị còn lại</b>	<b>16,598,179,551</b>	<b>1,755,452,919</b>	<b>18,353,632,470</b>

**5.9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>30/09/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Chi phí thuê văn phòng	338,206,010	1,352,824,040
Chi phí trả trước dài hạn khác	191,212,728	367,593,117
<b>Cộng</b>	<b><u>529,418,738</u></b>	<b><u>1,720,417,157</u></b>

**5.10. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>30/09/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Vay ngắn hạn	7,773,953,964	
Nợ dài hạn đến hạn		
<b>Cộng</b>	<b><u>7,773,953,964</u></b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/09/2014</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2014</b> <b>(VND)</b>
Thuế giá trị gia tăng	133,181,485	115,569,899
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,217,833,749	691,637,557
Thuế thu nhập cá nhân	689,451,122	2,011,697,313
Tiền thuê đất, thuế đất	1,206,218,265	918,622,674
Thuế khác	-	16,285,230
<b>Cộng</b>	<b>3,246,684,621</b>	<b>3,753,812,673</b>

**5.12. Chi phí phải trả**

	<b>30/09/2014</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2014</b> <b>(VND)</b>
Chi phí phải trả	586,853,581	805,930,040
<b>Cộng</b>	<b>586,853,581</b>	<b>805,930,040</b>

**5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2014</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2014</b> <b>(VND)</b>
Phải trả tiền cổ tức	937,794,310	
Phải trả tiền giống gốc	984,550,275	970,720,275
Phải trả về cổ phần hóa	1,994,974,934	
Tiền xây kho DTQG	10,975,490,000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,611,051,574	4,245,610,139
<b>Cộng</b>	<b>20,503,861,093</b>	<b>5,216,330,414</b>

**5.14. Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>30/09/2014</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2014</b> <b>(VND)</b>
Doanh thu chưa thực hiện		48,824,000
<b>Cộng</b>		<b>48,824,000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

### 5.18. Vốn chủ sở hữu : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	100,298,380,000	54,797,592,850	0	56,695,016,847	9,096,851,620	262,128,000	46,516,069,259	267,666,038,576
Lợi nhuận thuần trong năm							95,460,226,306	95,460,226,306
Cổ tức năm							(30,090,087,700)	(30,090,087,700)
Trích lập quỹ từ LNST				20,431,492,707	3,916,215,973		(24,347,708,680)	0
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(6,244,305,333)	(6,244,305,333)
Thù lao HĐQT và thưởng BĐH							(3,718,785,475)	(3,718,785,475)
Giảm khác				9,600,001			(86,130,922)	(76,530,921)
Số dư cuối năm trước	100,298,380,000	54,797,592,850	0	77,136,109,555	13,013,067,593	262,128,000	77,489,277,455	322,996,555,453
Phát hành trong năm	52,651,620,000	276,447,935,000						329,099,555,000
Lợi nhuận thuần trong năm nay							80,942,275,406	80,942,275,406
Mua cổ phiếu quỹ			(102,270,000)					-102,270,000
Bán cổ phiếu quỹ			102,270,000					102,270,000
Trích lập quỹ từ LNST				50,561,413,037	4,810,823,266		(55,372,236,303)	0
Cổ tức năm 2013							(15,029,416,500)	(15,029,416,500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(9,551,421,049)	(9,551,421,049)
Thù lao HĐQT và thưởng BĐH							(474,972,000)	(474,972,000)
Tặng trong năm						5,024,510,000		5,024,510,000
Sử dụng quỹ				(2,500,588,271)				(2,500,588,271)
Số dư cuối năm	152,950,000,000	331,245,527,850	0	125,196,934,321	17,823,890,859	5,286,638,000	78,003,507,009	710,506,498,039

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**Cơ cấu vốn góp**

	<b>30/09/2014</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2014</b> <b>(VND)</b>
Vốn góp của Nhà nước	0	11,054,160,000
Vốn góp của đối tượng khác	<u>152,950,000,000</u>	<u>89,244,220,000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>152,950,000,000</u></b>	<b><u>100,298,380,000</u></b>

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>30/09/2014</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2014</b> <b>(VND)</b>
Quỹ đầu tư phát triển	125,196,934,321	77.136.109.555
Quỹ dự phòng tài chính	<u>17,823,890,859</u>	<u>13.013.067.593</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>143,020,825,180</u></b>	<b><u>90.149.177.148</u></b>

*Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để đầu tư phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh và dự phòng rủi ro tài chính trong tương lai. Quỹ dự đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên hàng năm.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**5.19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư tại ngày đầu năm	2,628,100,000	9,240,000	599,737,101	208,379,387	(1,155,000)	763,160,364	4,207,461,852
Phát sinh trong kỳ							
Tăng trong kỳ do hợp nhất	1,094,400,000	69,899,328	301,388,406	35,179,636		(344,906,580)	1,155,960,790
Lợi nhuận thuần trong năm						1,067,157,963	1,067,157,963
Cổ tức năm 2013						(393,840,000)	(393,840,000)
Trích lập quỹ từ LNST			97,411,458	32,470,486		(129,881,944)	0
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(58,932,258)	(58,932,258)
Giảm khác						(66,527,999)	(66,527,999)
Số dư cuối kỳ	3,722,500,000	79,139,328	998,536,965	276,029,509	(1,155,000)	836,229,546	5,911,280,348

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**6. Công cụ Tài chính****6.1. Quản lý rủi ro tài sản tài chính.**

	<b>30/09/2014</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2014</b> <b>(VND)</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	158,031,905,304	54,122,278,528
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113,612,190,856	130,593,095,784
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	14,112,027,964	2,933,326,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>285,756,124,124</b>	<b>187,648,700,312</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Dưới 1 năm</b>		
Tiền	158,031,905,304	54,122,278,528
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113,612,190,856	130,593,095,784
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>271,644,096,160</b>	<b>184,715,374,312</b>
<b>Từ 1 đến 5 năm</b>		
Tiền		
Phải thu khách hàng và phải thu khác		
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư dài hạn khác	14,112,027,964	2,933,326,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>14,112,027,964</b>	<b>2,933,326,000</b>

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo cho hoạt động của công ty được liên tục đồng thời tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**6.2. Công cụ quản lý rủi ro công nợ tài chính**

<b>Công nợ tài chính</b>	<b>30/09/2014 (VND)</b>	<b>01/01/2014 (VND)</b>
Các khoản vay	7,773,953,964	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	53,043,112,426	59,755,640,505
Chi phí phải trả		805,930,040
<b>Tổng cộng</b>	<b>60,817,066,390</b>	<b>60,561,570,545</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Dưới 1 năm</b>		
Các khoản vay	7,773,953,964	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	53,043,112,426	59,755,640,505
Chi phí phải trả	-	805,930,040
<b>Tổng cộng</b>	<b>60,817,066,390</b>	<b>60,561,570,545</b>
<b>Từ 1 đến 5 năm</b>		
Các khoản vay		-
Phải trả khách hàng và phải trả khác		
Chi phí phải trả		
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình để có phương pháp, chính sách quản trị tín dụng phù hợp nhất nhằm hạn chế rủi ro tối đa đồng thời đảm bảo đủ vốn để đáp ứng hoạt động của công ty cũng như đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai.

Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****7.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>513,057,244,699</b>	<b>444,113,612,139</b>
Doanh thu bán hàng	511,770,058,345	442,929,761,216
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,287,186,354	1,183,850,923

**7.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>33,695,956,750</b>	<b>33,514,841,810</b>
Giảm giá hàng bán	3,416,196,300	314,244,700
Hàng bán bị trả lại	30,279,760,450	33,200,597,110

**7.3. Doanh thu thuần**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>479,361,287,949</b>	<b>410,598,770,329</b>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	478,074,101,595	409,414,919,406
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1,287,186,354	1,183,850,923

**7.4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>
Giá vốn hàng hoá đã bán	288,325,320,822	242,040,003,333
Dự phòng(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng</b>	<b>288,325,320,822</b>	<b>242,040,003,333</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

### 7.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	310,043,007,035	242,934,258,380
Chi phí nhân công	44,401,201,730	39,918,972,939
Chi phí khấu hao TSCĐ	7,420,179,833	7,639,635,321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32,851,588,529	22,478,609,852
Chi phí khác	6,641,800,367	6,068,549,969
<b>Cộng</b>	<b>401,357,777,494</b>	<b>319,040,026,461</b>

### 7.6. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,914,963,755	3,567,956,062
Cổ tức, lợi nhuận được chia	106,666,400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	338,034,888	101,476,489
Doanh thu hoạt động tài chính khác	170,681,965	
<b>Cộng</b>	<b>3,530,347,008</b>	<b>3,669,432,551</b>

### 7.7. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)
Lãi tiền vay	123,229,319	5,945,638
Lỗ chênh lệch tỷ giá	212,748,050	194,418,739
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	533,332,000	(386,665,700)
Chi phí hoạt động tài chính khác	88,495	
<b>Cộng</b>	<b>869,397,864</b>	<b>(186,301,323)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

**7.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,845,292,259	2,264,698,602
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	—	—
<b>Cộng</b>	<u><b>1,845,292,259</b></u>	<u><b>2,264,698,602</b></u>

**8. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ SỰ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau :

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 (VND)</u>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam		
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam		

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ như sau :

	<u>30/09/2014 (VND)</u>	<u>01/01/2014 (VND)</u>
<b>Phải thu tiền bán hàng</b>		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam		

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

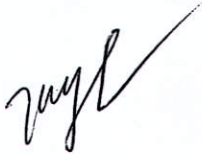
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2014

### 9. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 đã được soát xét và Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam tại Hà Nội.

Ngày 31 tháng 10 năm 2014

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên